

Số: /2024/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 701/TTr-STC ngày 27 tháng 11 năm 2024; Công văn số 4744/CV-QLG&CS ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan,

đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- HĐND tỉnh;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành ;
- UBND các huyện, thành phố ;
- Chánh, các Phó CVP/UBND tỉnh ;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. KTTH.LT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

QUY CHẾ

Hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu thập, cập nhật, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin để vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

1. Địa chỉ truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình:

- Địa chỉ truy cập dành cho công chức các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố: <https://csdlgiastc.hoabinh.gov.vn>.

- Địa chỉ truy cập dành cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: <https://csdlgia.hoabinh.gov.vn>.

2. Máy vi tính của người sử dụng tại Sở Tài chính; các Sở, ban ngành; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh phải được kết nối với hạ tầng truyền thông của ngành hoặc phải được kết nối internet; Máy vi tính của người sử dụng tại các doanh nghiệp phải được kết nối internet.

3. Máy vi tính của người sử dụng phải được cài đặt một trong các trình duyệt web sau: Mozilla Firefox 30.0 trở lên, Internet Explorer 8.0 trở lên và Chrome/Chromium 33.0 trở lên.

4. Thông tin nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình sử dụng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 4. Tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

1. Tài khoản quản trị: Sở Tài chính được cấp 01 tài khoản quản trị để thực hiện việc hỗ trợ quản trị mức cao, quản trị hỗ trợ người sử dụng, quản trị hệ thống.

2. Tài khoản sử dụng

a) Sở Tài chính: Được cấp tài khoản sử dụng cho toàn bộ lãnh đạo Sở, 01 tài khoản cho Văn phòng Sở và lãnh đạo; Lãnh đạo, chuyên viên thuộc Phòng Quản lý giá và Công sản.

b) Tài khoản của người dùng là lãnh đạo, chuyên viên các Sở có liên quan và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố.

c) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn tỉnh: Sử dụng tài khoản được cấp theo quy định, đối với các đơn vị chưa có tài khoản thực hiện theo quy trình cấp tài khoản tại khoản 3 Điều 4 này.

3. Quy trình cấp tài khoản sử dụng

a) Đơn vị có nhu cầu cấp tài khoản gửi yêu cầu cấp tài khoản sử dụng mới tới Sở Tài chính bằng văn bản;

b) Sở Tài chính xem xét, tạo tài khoản và phân quyền sử dụng trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

c) Tài khoản mới được cấp trong phong bì có dấu mật được Sở Tài chính gửi đến đơn vị có yêu cầu;

d) Đơn vị nhận tài khoản mới và đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

đ) Thời gian xử lý cấp tài khoản mới không quá 05 ngày làm việc tính theo dấu xác nhận công văn đến và dấu xác nhận phong bì thư đi;

4. Tên tài khoản trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được tạo theo nguyên tắc như sau:

a) Tài khoản người dùng là lãnh đạo, chuyên viên Sở Tài chính: **[Họ][Tên đệm][Tên lãnh đạo/chuyên viên][Số thứ tự (nếu có)]**

Trong đó: Số thứ tự chỉ được thêm vào khi có từ 02 tài khoản có họ tên trùng nhau.

b) Tài khoản của người dùng là lãnh đạo, chuyên viên các Sở, ban ngành và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố.

[Mã hệ thống]-[Tên đơn vị]-[Mã vai trò]-[Số thứ tự (nếu có)]

Trong đó:

Mã hệ thống: Mặc định là CSDLGIA;

Tên đơn vị: Tên viết tắt quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chế;

Mã vai trò: CV: Chuyên viên; LD: Lãnh đạo;

Số thứ tự (nếu có): Trong trường hợp có nhiều hơn một tài khoản có vai trò

trương tự nhau tại một đơn vị sử dụng thì đặt số thứ tự là số nguyên tăng dần.

5. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng:

a) Đối với tài khoản dùng chung cho một đơn vị, phải có cơ chế xác định các cá nhân có trách nhiệm quản lý tài khoản.

b) Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc, nghỉ hưu, chết hoặc mất tích, cơ quan, đơn vị quản lý phải thông báo kịp thời bằng văn bản đến Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ các quyền sử dụng của người dùng đó trong hệ thống.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Cập nhật thông tin trên CSDL về giá

1. Sở Tài chính

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; Quản lý khung giá nước sạch do Chính phủ ban hành.

b) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP).

c) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định.

d) Thu thập dữ liệu: Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu; Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

e) Hoạt động thẩm định giá: Quản lý thông tin giá trị tài sản thẩm định giá doanh nghiệp thẩm định giá trên địa bàn tỉnh thẩm định; Quản lý thông tin giá trị tài sản thẩm định giá do hội đồng thẩm định giá địa phương thẩm định; Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá; Danh sách hội đồng thẩm định giá.

2. Sở Công thương

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn Nhà nước.

b) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

d) Cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp kê khai giá thuộc thẩm quyền.

đ) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

b) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.

d) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.

đ) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

e) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

g) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

h) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật. i) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

i) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Sở Y tế

a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

d) Giá hàng hóa dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

đ) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

e) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

g) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Học phí; Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

c) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

c) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

d) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

e) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

g) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

b) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

c) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

d) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

e) Giá thu tiền sử dụng đất, giá thuê đất.

g) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tổ chức đấu giá tại địa phương.

h) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

i) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

k) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Sở Xây dựng

a) Giá cụ thể nước sạch.

b) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước).

c) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước.

d) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

đ) Giá vật tư, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

e) Giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

g) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

h) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

i) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

9. Sở Tư pháp

a) Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

c) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

10. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

a) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện thực hiện tổ chức đấu giá.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

c) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

11. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh

a) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa dịch, dịch vụ kê khai giá trên địa bàn tỉnh: Văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Doanh nghiệp thẩm định giá hoạt động thẩm định giá trên địa bàn tỉnh: Thông tin tài sản thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thẩm định.

12. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật các thông tin, dữ liệu theo quy định vào cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đồng thời cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trực tiếp qua hệ thống tài khoản vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Điều 6. Tần suất cập nhật dữ liệu

1. Cập nhật định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 05 hằng tháng) đối với thông tin, dữ liệu về giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo thị trường.

2. Các doanh nghiệp thực hiện cập nhật Văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình khi nộp hồ sơ theo quy định của pháp luật. Công chức sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ kê khai giá thực hiện kiểm tra, xét duyệt (lần 1) trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, gửi Sở Tài chính kiểm tra, xét duyệt (lần 2) trong vòng 03 ngày làm việc tiếp theo.

3. Đối với dữ liệu giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Trong vòng 30 ngày sau khi ban hành văn bản quy định.

4. Thông tin, dữ liệu tài sản thẩm định giá: Khi doanh nghiệp thẩm định giá phát hành chứng thư thẩm định giá cho khách hàng.

5. Các thông tin, dữ liệu cần cập nhật (*được quy định tại Điều 5 Quy chế này*): Khi có văn bản quy định mới ban hành hoặc khi có phát sinh thông tin, dữ liệu.

6. Gửi dữ liệu lên CSDL quốc gia về giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 7. Hình thức cập nhật

1. Các đối tượng thuộc phạm vi triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình thực hiện cập nhật dữ liệu qua tệp Excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Riêng đối với hồ sơ kê khai giá đề nghị đính kèm theo bản chụp của văn bản vào phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (*Mẫu theo Phụ lục VI, ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP*).

2. Thông tin, dữ liệu về giá, sau khi được công chức của các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của công chức lãnh đạo cấp trên bằng tài khoản công chức lãnh đạo đã được cung cấp và phân quyền. Sở Tài chính chịu trách nhiệm duyệt các dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp gửi trên phần mềm trước khi được lưu vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 8. Công khai dữ liệu

1. Sở Tài chính thiết lập các dữ liệu tự động công khai giá hàng hóa dịch vụ.

2. Đối với dữ liệu công khai thủ công: Sở Tài chính thực hiện rà soát và công khai một tháng một lần.

Điều 9. Khai thác thông tin, dữ liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

1. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong CSDL về giá nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà

nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan xây dựng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, cập nhật thông tin về giá phục vụ xây dựng CSDL về giá được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình.

3. Việc phân quyền, cho phép khai thác thông tin dữ liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình do Sở Tài chính quy định.

4. Thông tin, số liệu trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được khai thác, sử dụng phục vụ điều hành, thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác liên quan.

5. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình vào mục đích cá nhân mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Điều 10. Thực hiện quản trị danh mục hệ thống

Sở Tài chính thực hiện quản lý vai trò của người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu và các cấu hình khác để vận hành hệ thống (*Chi tiết lại Phụ lục 02*).

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình vận hành thông suốt.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm và các Sở, Ban, ngành có liên quan trong việc hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu giá.

3. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

4. Bảo đảm an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

5. Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

6. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đối với các loại giá do Sở Tài chính báo cáo, theo dõi.

7. Định kỳ tháng, quý thực hiện kiểm tra dữ liệu trong hệ thống, đơn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả việc cập nhật, khai thác và quản lý, vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật công nghệ khi có yêu cầu, đảm bảo phần mềm vận hành thông suốt.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân tại các đơn vị triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

1. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Thông báo khi sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình để được hỗ trợ.

3. Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống.

4. Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã được cấp.

5. Thông báo bằng văn bản tới Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh hoặc hủy bỏ tài khoản và quyền truy cập, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin hiện hành của pháp luật.

2. Việc trao đổi, gửi văn bản mật và các thông tin được quy định không trao đổi qua môi trường mạng phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định khác về quản lý thông tin trên mạng internet.

3. Các thông tin về tài khoản truy cập vào hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được bảo mật theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Cá nhân, đơn vị, tổ chức, cơ quan được giao sử dụng các tài khoản của hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định của hiện hành của Nhà nước.

6. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp xử lý./.

PHỤ LỤC 01
QUY ƯỚC ĐẶT MÃ ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

I. Danh sách tên viết tắt các Sở

STT	Đơn vị	Viết tắt
1	Sở Tài chính	STC
2	Sở Công thương	SO_CT
3	Sở Giao thông vận tải	SO_GTVT
4	Sở Y tế	SO_YT
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	SO_GDDT
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	SO_NNPTNT
7	Sở Xây dựng	SO_XD
8	Sở Tư pháp	SO_TP
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	SO_TNMT

II. Danh sách tên viết tắt các phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

STT	Phòng Tài chính cấp huyện	Viết tắt
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Hòa Bình	TP_HOABINH
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cao Phong	H_CAOPHONG
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đà Bắc	H_DABAC
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kim Bôi	H_KIMBOI
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lạc Sơn	H_LACSON
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lạc Thủy	H_LACTHUY
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lương Sơn	H_LUONGSON
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Mai Châu	H_MAICHAU
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Lạc	H_TANLAC
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Yên Thủy	H_YENTHUY

PHỤ LỤC 02
PHÂN QUYỀN SỬ DỤNG CHỨC NĂNG VÀ PHẠM VI DỮ LIỆU
TRONG HỆ THỐNG CSDL VỀ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Sở Tài chính

1.1. Lãnh đạo Sở Tài chính: Được phân quyền phân hệ khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

1.2. Phòng Quản lý giá và Công sản

a) Lãnh đạo Phòng Quản lý Giá và Công sản: Được phân quyền duyệt và khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

b) Chuyên viên Phòng Quản lý giá và Công sản: Được phân quyền nhập và khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

c) Ngoài dữ liệu do Sở Tài chính thu thập thì được khai thác những dữ liệu sau: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên toàn quốc; khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính quy định, giá tính thuế tài nguyên, giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, một số báo cáo về hoạt động thẩm định giá (Danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, danh sách thẩm định viên hành nghề); các dữ liệu công khai trên CSDL Quốc gia về giá.

2. Các Sở, ban ngành có liên quan và phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

2.1. Lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ: Được phân quyền thao tác phê duyệt, từ chối duyệt các chức năng thu thập giá hàng hóa dịch vụ được quy định tại Điều 5 quyết định này. Được phân quyền khai thác giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

2.2. Chuyên viên đơn vị nghiệp vụ: Được phân quyền thao tác thêm, sửa, xóa các chức năng thu thập giá hàng hóa dịch vụ được quy định tại Điều 5 quyết định này. Được phân quyền khai thác giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

3. Các quyền quản trị

Quản trị hỗ trợ người sử dụng: Sở Tài chính hỗ trợ về tài khoản của người dùng trong suốt quá trình sử dụng hệ thống. Các chức năng được phân quyền gồm: Quản trị người dùng là cán bộ, Quản trị vai trò, Quản trị cấu hình hệ thống, Quản lý nhật ký sử dụng, Phân quyền phạm vi dữ liệu, Quản lý tài liệu hướng dẫn sử dụng.

4. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh:

Được phân quyền khai thác những dữ liệu sau: Khai thác dữ liệu của đơn vị

đã báo cáo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

5. Đối tượng khai thác thông tin công khai trên cổng thông tin (không cần tài khoản đăng nhập)

Người dân, doanh nghiệp có thể khai thác được những thông tin công khai như sau: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; Một số dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.